

**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **19487** /CHQ-GSQL

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2026

V/v xuất khẩu hàng hóa

Kính gửi: Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Hoa Sen Việt Nam.
(Địa chỉ: Tổ dân phố Bến, phường Thượng Hồng, tỉnh Hưng Yên)

Trả lời công văn số 2406/HS ngày 24/6/2026 của Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Hoa Sen Việt Nam đề nghị hướng dẫn xuất khẩu sản phẩm mosaic đá làm vật liệu trang trí, Cục Hải quan có ý kiến như sau:

1. Về chính sách mặt hàng và hồ sơ hải quan

Căn cứ Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu tại mục I Phụ lục I Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương thì mặt hàng mosaic đá làm vật liệu trang trí mã số 6802 không thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu. Qua rà soát văn bản pháp luật chuyên ngành thì mặt hàng mosaic đá làm vật liệu trang trí nêu trên cũng không thuộc diện tạm ngừng xuất khẩu và hạn chế xuất khẩu.

Về hồ sơ hải quan, đề nghị Công ty thực hiện theo khoản 1 Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 và Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025.

2. Về xác định xuất xứ hàng hóa

Về xuất xứ hàng hóa được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa, Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/04/2018 của Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2023/TT-BCT ngày 29/12/2023.

Căn cứ Điều 4 Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 của Bộ Công Thương quy định “Hàng hóa được xác định xuất xứ theo quy định tại Thông tư này có xuất xứ tại nước, nhóm nước, hoặc vùng lãnh thổ nơi thực hiện quy trình sản xuất cuối cùng làm thay đổi cơ bản hàng hóa đó”.

Đề nghị Công ty căn cứ các quy định trên, đối chiếu với thực tế hàng hóa xuất khẩu để thực hiện, trường hợp còn vướng mắc, Công ty liên hệ Bộ Công Thương để được hướng dẫn cụ thể.

3. Về phân loại hàng hoá

Căn cứ khoản 2 Điều 16 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ thì việc phân loại hàng hoá căn cứ vào hồ sơ hải quan, tài liệu kỹ

thuật và các thông tin về thành phần, tính chất lý, hoá, tính năng, công dụng của hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

Do công văn chưa có đầy đủ thông tin về thành phần, tính chất, mức độ gia công và không có tài liệu kỹ thuật của sản phẩm nên Cục Hải quan chưa có cơ sở xác định mã số hàng hoá.

Trường hợp Công ty có nhu cầu xác định trước mã số (XĐTMS) đối với hàng hóa dự kiến xuất khẩu thì đề nghị Công ty thực hiện thủ tục XĐTMS theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 121/2025/TT-BTC, cụ thể hồ sơ XĐTMS gồm:

- Đơn đề nghị xác định trước mã số theo mẫu số 01/XĐTMS/NVTHQ Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này;
- Tài liệu kỹ thuật do tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước mã số hàng hóa cung cấp (bản phân tích thành phần, catalogue, hình ảnh hàng hóa): 01 bản;
- Mẫu hàng hóa dự kiến xuất khẩu (nếu có).

4. Về chính sách thuế

Căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị Định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ thì các mặt hàng xuất khẩu thuộc nhóm có STT 211 tại Biểu thuế xuất khẩu đáp ứng đồng thời 02 điều kiện:

a) Điều kiện 1: Vật tư, nguyên liệu, bán thành phẩm (gọi chung là hàng hoá) không thuộc các nhóm có STT từ 01 đến STT 210 tại Biểu thuế xuất khẩu

b) Điều kiện 2: Được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu chính là tài nguyên, khoáng sản có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên....

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 38 Nghị Định số 181/2025/NĐ-CP ngày 1/7/2025 của Chính phủ thì: *Quy định việc xác định sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên tại điểm b khoản 2 Điều 4 và Mẫu số 14, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ bằng quy định tại phụ lục V ban hành kèm theo Nghị Định này.*

Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị Định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ thì: *Đối với các mặt hàng được chi tiết mã hàng 08 chữ số và mô tả hàng hóa của các nhóm 25.23, 27.06, 27.07, 27.08, 68.01, 68.02, 68.03 tại STT 211 của Biểu thuế xuất khẩu, người khai hải quan kê khai mức thuế suất thuế xuất khẩu tương ứng với mã hàng đó quy định tại STT 211. Trường hợp không kê khai mức thuế suất thuế xuất khẩu theo quy định tại nhóm có STT 211 thì người nộp thuế phải nộp Bảng kê tỷ lệ giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng trong giá thành sản phẩm của hàng hóa xuất khẩu theo Mẫu số 14 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này (đã được sửa đổi tại Phụ lục V Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 1/7/2025 của Chính phủ) tại thời điểm*

làm thủ tục hải quan để chứng minh hàng hoá kê khai có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng dưới 51% giá thành sản phẩm.

Chính sách thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để sản xuất hàng hoá xuất khẩu thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13; Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/03/2016 của Chính phủ.

Theo quy định hiện hành, nội dung về điều kiện, hồ sơ và thủ tục liên quan đến việc hoàn thuế giá trị gia tăng thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thuế nội địa.

Đề nghị Công ty đối chiếu mặt hàng thực tế xuất khẩu với các quy định dẫn trên để thực hiện. Trường hợp còn vướng mắc thì liên hệ với Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu hàng hóa để được hướng dẫn.

Cục Hải quan có ý kiến đề Quý Công ty biết. *gsc*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, GSQL. *Ngh*

**TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN GIÁM SÁT QUẢN LÝ VỀ HQ**



Đào Duy Tám